TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15- 3-2023
V/v ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Khúc Trọng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Khúc Thị Minh

Bà Đặng Thị Đôi

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Quý Linh – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà***: Bà Vũ Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 160/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2023/QĐST- HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn U, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Thanh H, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn U, xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 20 tháng 6 năm 2022 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện K, nguyên đơn là chị Vũ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và anh Phạm Thanh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 05 tháng 7 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn anh, chị cùng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có hành vi vi phạm pháp luật và hiện đang phải đi chấp hành án tại Trại giam H, Hải Dương. Thời gian đầu chị N có đi thăm hỏi động

viên anh H, tuy nhiên sau đó do xa cách nên chị N không còn tình cảm với anh H nữa. Chị N đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ năm 2016 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân chị N và anh H không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị N được ly hôn với anh Phạm Thanh H.

Về con chung: Chị N khai vợ chồng có 01 con chung là Phạm Tuyết M, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2012. Trường hợp ly hôn chị N đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung cho đến khi đủ 18 tuổi. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị N tự thỏa thuận với anh H, do vậy không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị N để tự thỏa thuận với anh H, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Thanh H hiện đang chấp hành án tại Đội 32, phân trại 3, Trại giam H, anh H đã có lời khai có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H đồng ý với lời trình bày của chị N về thời gian, điều kiện kết hôn. Anh H cũng xác nhận giữa hai vợ chồng không còn tình cảm do anh có hành vi vi phạm pháp luật và hiện đang phải đi chấp hành án, nay chị N có đơn xin ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh H khai giữa anh và chị N có 01 con chung là cháu Phạm Tuyết M, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2012, trường hợp ly hôn anh H có nguyện vọng xin được nuôi con chung và không đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung vợ chồng: Anh H khai giữa anh và chị N không có tài sản chung vợ chồng, không đề nghị Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị N và anh Phạm Thanh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của chị Vũ Thị N được ly hôn anh H. Về con chung, giao con là Phạm Tuyết M cho chị N nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị N đề nghị để tự thỏa thuận giải quyết nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung do chị N đề nghị để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị hội đồng xét xử không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Vũ Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Phạm Thanh H đã được

Toà án thông báo hợp lệ để anh H có mặt tại Toà án trình bày ý kiến của mình về việc chị Vũ Thị N có đơn xin ly hôn nhưng do anh H đang chấp hành án tại Trại giam H nên vắng mặt tại phiên tòa hai lần. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là anh Phạm Thanh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Vũ Thị N và anh Phạm Thanh H được xác định là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H có hành vi vi phạm pháp luật và phải đi chấp hành án phạt tù tại Trại giam H, Hải Dương. Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và gia đình thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh H phù hợp với lời khai của chị N, anh H. Chị N đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H, anh H cũng đồng ý ly hôn với chị N. Như vậy thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh H đã trầm trọng, khả năng vợ chồng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị N xin ly hôn với anh H.

[3] Về con chung: Chị N và anh H có 01 con chung là Phạm Tuyết M, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2012. Trường hợp ly hôn chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung anh H hiện đang đi chấp hành án phạt tù và chị đủ điều kiện để chăm sóc con chung. Việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi cần xem xét để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như đảm bảo quyền được chăm sóc nuôi dưỡng con của cả cha, mẹ. Xét hiện nay anh Phạm Thanh H đang chấp hành án phạt tù, cháu M có nguyện vọng được ở cùng với mẹ; chị N khai làm lao động tự do thu nhập trung bình khoảng 06.000.000 đồng/tháng và hiện đang ở cùng nhà với bố mẹ đẻ, đủ điều kiện chăm sóc cháu M. Như vậy, cần chấp nhận đề nghị của chị N, giao con chung là Phạm Tuyết M cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị N đề nghị để tự thỏa thuận với anh H, do vậy tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh H cho đến khi chị N có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Chị N, anh H khai vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Vũ Thị N được ly hôn anh Phạm Thanh H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Tuyết M, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2012 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

2.2. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Phạm Thanh H cho đến khi chị Vũ Thị N có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số 0001763 ngày 05/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hải Phòng. Chị N đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị N, anh Phạm Thanh H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã T, K;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Khúc Trọng Quang